

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 1010

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ lựa chọn một phương án (3,0 điểm).

Câu 1: Trong các dãy số sau, dãy số nào là một cấp số nhân?

- A. 1;2;4;8;16;32;.... B. 1;2;3;4;5;6;....
C. 2;4;6;8;16;32;.... D. -2;-3;-4;-5;-6;-7;....

Câu 2: Nghiệm của phương trình $5^{x-4} = 125$ là

- A. $x = 5$. B. $x = 4$. C. $x = 7$. D. $x = 6$.

Câu 3: Trong không gian hệ tọa độ $(Oxyz)$, cho ba vectơ $\vec{a} = (3;4;2)$; $\vec{b} = (-5;0;3)$; $\vec{c} = (1;2;-4)$. Tìm tọa độ của vectơ $\vec{u} = 3\vec{a} + 2\vec{b} - \vec{c}$

- A. $\vec{u} = (-2;-10;16)$. B. $\vec{u} = (2;10;-16)$. C. $\vec{u} = (-2;10;16)$. D. $\vec{u} = (-1;5;8)$.

Câu 4: Trong không gian $(Oxyz)$, cho đường thẳng $d: \frac{x-3}{2} = \frac{y-4}{-5} = \frac{z+1}{3}$. Vectơ nào dưới đây là một vectơ chỉ phương của d ?

- A. $\vec{a} = (2;-5;3)$. B. $\vec{a} = (-3;-4;1)$. C. $\vec{a} = (3;4;-1)$. D. $\vec{a} = (2;-5;-3)$.

Câu 5: Trong không gian tọa độ $(Oxyz)$, cho mặt cầu: $(S): (x-6)^2 + (y+7)^2 + (z-8)^2 = 9^2$. Tâm của mặt cầu (S) có tọa độ là:

- A. $(6;7;8)$. B. $(6;-7;8)$. C. $(6;7;-8)$. D. $(-6;7;8)$.

Câu 6: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông và $SA \perp (ABCD)$. Mệnh đề nào sau đây sai?

- A. $BC \perp (SAB)$ B. $BD \perp (SAC)$. C. $CD \perp (SAD)$ D. $AC \perp (SBD)$

Câu 7: Tập xác định của hàm số $y = \log_2(x-1)$ là

- A. $[1;+\infty)$. B. $(-\infty;1)$. C. $\mathbb{R} \setminus \{1\}$. D. $(1;+\infty)$.

Câu 8: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng xét dấu của đạo hàm như hình bên. Số điểm cực tiểu của hàm số $y = f(x)$ là

x	$-\infty$	-3	1	3	$+\infty$			
$f'(x)$		$-$	0	$+$	0	$-$	0	$+$

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 9: Nếu $\int_1^4 f(x) dx = -2$ và $\int_1^4 g(x) dx = -6$ thì $\int_1^4 [2f(x) - g(x) + 1] dx$ bằng

- A. 5. B. 2. C. -4. D. 3.

Câu 10: Khảo sát thời gian tập thể dục của một số học sinh khối 11 thu được mẫu số liệu ghép nhóm sau:

Thời gian (phút)	[0;20)	[20;40)	[40;60)	[60;80)	[80;100)
Số học sinh	5	9	12	10	6

Nhóm chứa trung vị của mẫu số liệu trên là

- A. [60;80). B. [40;60). C. [80;100). D. [20;40).

Câu 11: Đường tiệm cận đứng của đồ thị hàm số $y = \frac{x^2 + x - 2}{x - 2}$ là:

- A. $y = -2$. B. $x = 2$. C. $y = 2$. D. $x = -2$.

Câu 12: Cho hàm số $f(x) = 3^x + 2x$. Khẳng định nào dưới đây đúng

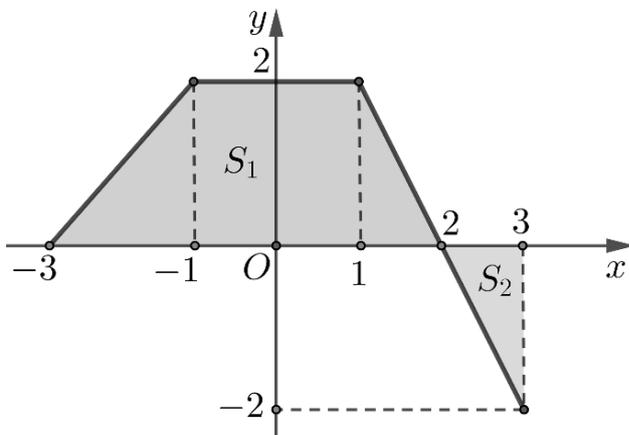
- A. $\int f(x)dx = \frac{3^x}{\ln 3} + 2 + C$. B. $\int f(x)dx = \frac{3^x}{\ln 3} + x^2 + C$.
 C. $\int f(x)dx = 3^x \cdot \ln 3 + 2 + C$. D. $\int f(x)dx = 3^x \cdot \ln 3 + x^2 + C$.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai (4,0 điểm).

Câu 1: Cho hàm số $f(x) = \sin 2x - x$.

- a) $f\left(-\frac{\pi}{2}\right) = \frac{\pi}{2}; f\left(\frac{\pi}{2}\right) = -\frac{\pi}{2}$.
 b) Đạo hàm của hàm số đã cho là $f'(x) = \cos 2x - 1$.
 c) Nghiệm của phương trình $f'(x) = 0$ trên đoạn $\left[-\frac{\pi}{2}; \frac{\pi}{2}\right]$ là $-\frac{\pi}{6}$ hoặc $\frac{\pi}{6}$.
 d) Giá trị nhỏ nhất của $f(x)$ trên đoạn $\left[-\frac{\pi}{2}; \frac{\pi}{2}\right]$ là $-\frac{\pi}{2}$.

Câu 2: Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên $[-3;3]$ có đồ thị như hình vẽ, Biết rằng $f(x)$ tạo với trục hoành và 2 đường thẳng $x = -3, x = 3$ một hình phẳng (H) gồm 2 phần có diện tích lần lượt là S_1, S_2 (như hình vẽ).



$$a) S_{(H)} = \int_{-3}^3 f(x) dx$$

$$b) S_2 = \left| \int_2^3 (-2x + 4) dx \right| = 1$$

$$c) S_1 = \int_{-3}^{-1} (x + 3) dx + \int_{-1}^1 2 dx + \int_1^2 (-2x + 4) dx$$

$$d) S_{(H)} = S_1 - \int_2^3 (-2x + 4) dx$$

Câu 3: Trong không gian $(Oxyz)$ cho $A(2;0;0), B(0;2;0), C(0;0;3)$.

a) Một vectơ pháp tuyến của mặt phẳng (ABC) là $\vec{n} = (3;3;2)$.

b) Mặt phẳng đi qua C và vuông góc với đường thẳng AB có phương trình là $x - y = 0$.

c) Mặt phẳng chứa đường thẳng AB và vuông góc với mặt phẳng (ABC) có phương trình là: $x + y - 3z + 2 = 0$.

d) Gọi $M(a;b;c) \in (Oyz)$ sao cho $|\overline{MA} + \overline{MB} + \overline{MC}|$ nhỏ nhất. Khi đó $3(a+b) + c = 5$.

Câu 4: Có hai đội tham gia một cuộc thi bơi lội. Đội I có 7 vận động viên, đội II có 9 vận động viên. Xác suất giành huy chương vàng của mỗi vận động viên đội I và đội II lần lượt là 0.07 và 0.06. Chọn ngẫu nhiên một vận động viên.

a) Xác suất để vận động viên được chọn thuộc đội I là $\frac{9}{16}$

b) Xác suất để vận động viên này không giành được huy chương vàng nếu thuộc đội II là 0,94

c) Xác suất để vận động viên này giành được huy chương vàng là $\frac{103}{1060}$

d) Giả sử vận động viên được chọn giành huy chương vàng. Xác suất để vận động viên này thuộc đội I là $\frac{49}{103}$.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6 (3,0 điểm).

Câu 1: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy là tam giác vuông tại B , $AB = 1$; $SA \perp (ABC)$, $SA = 1$. Tính khoảng cách từ điểm A đến mp (SBC) . (làm tròn đến hàng phần trăm)

Câu 2: Một chất điểm chuyển động có phương trình chuyển động là $s = -t^3 + 6t^2 + 17t$, với $t(s)$ là khoảng thời gian tính từ lúc vật bắt đầu chuyển động và $s(m)$ là quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian đó. Trong khoảng thời gian 8 giây đầu tiên, vận tốc $v(m/s)$ của chất điểm đạt giá trị lớn nhất bằng bao nhiêu?

Câu 3: Hai xạ thủ cùng bắn mỗi người một viên đạn vào bia một cách độc lập với nhau. Xác suất bắn trúng bia của hai xạ thủ lần lượt là $\frac{1}{2}$ và $\frac{1}{3}$. Tính xác suất để có ít nhất một xạ thủ không bắn trúng bia. (làm tròn đến hàng phần trăm)

Câu 4: Cho hàm số $y = \frac{2x-1}{x+1}$ có đồ thị (C) và điểm $P(2;5)$. Có bao nhiêu giá trị của tham số m để đường thẳng $d: y = -x + m$ cắt đồ thị (C) tại hai điểm phân biệt A và B sao cho tam giác PAB đều?

Câu 5: Một thùng rượu (xét phần bên trong) có 2 đáy là các hình tròn với bán kính là 30 cm, thiết diện (P) vuông góc với trục nối tâm của 2 đáy và cách đều 2 đáy có bán kính là 40 cm (bên trong), chiều cao thùng rượu là 1 m (hình vẽ). Biết rằng mặt phẳng chứa trục cắt mặt xung quanh (bên trong) thùng rượu theo các đường parabol có đỉnh nằm trên mặt phẳng (P) , hỏi dung tích của thùng rượu (đơn vị: lít) là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)



Câu 6: Trong không gian với hệ trục tọa độ $(Oxyz)$, cho mặt phẳng $(P): 2x - y + 2z - 14 = 0$ và mặt cầu $(S): x^2 + y^2 + z^2 - 2x + 4y + 2z - 3 = 0$. Lấy $M(a;b;c)$ thuộc mặt cầu (S) sao cho khoảng cách từ M đến mặt phẳng (P) là lớn nhất. Tính giá trị của biểu thức $K = a + b + c$.

-----**HẾT**-----

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 1020

PHẦN I (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ lựa chọn một phương án.

Câu 1: Đồ thị hàm số $y = \frac{x-2}{x^2-4}$ có đường tiệm cận ngang là:

- A. $y = 0$. B. $y = 1$. C. $y = 2$. D. $y = -2$.

Câu 2: Nghiệm của phương trình $3^{3x+5} = 3^{1-x}$ là :

- A. $x = -2$. B. $x = -1$. C. $x = 1$. D. $x = 2$.

Câu 3: Cho hàm số $f(x)$ có bảng xét dấu của đạo hàm như sau

x	$-\infty$	-3	1	$+\infty$		
$f'(x)$		+	0	+	0	-

Hàm số đã cho nghịch biến trên khoảng nào dưới đây?

- A. $(-\infty; -2)$. B. $(-2; +\infty)$. C. $(-2; 1)$. D. $(2; +\infty)$.

Câu 4: Trong không gian $(Oxyz)$, cho đường thẳng $\Delta: \begin{cases} x = 2 + 3t \\ y = -1 + t \\ z = 5 - 2t \end{cases} (t \in \mathbb{R})$. Trong các điểm sau đây,

điểm nào thuộc đường thẳng Δ ?

- A. $M(11; 2; 4)$. B. $P(10; 3; -3)$. C. $Q(8; -3; 1)$. D. $N(5; 0; 3)$.

Câu 5: Khảo sát thời gian tập thể dục của một số học sinh khối 11 thu được mẫu số liệu ghép nhóm sau:

Thời gian (phút)	$[0; 20)$	$[20; 40)$	$[40; 60)$	$[60; 80)$	$[80; 100)$
Số học sinh	5	9	12	10	6

Nhóm chứa tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu trên là

- A. $[40; 60)$. B. $[20; 40)$. C. $[80; 100)$ D. $[60; 80)$.

Câu 6: Dãy số nào sau đây **không phải** là cấp số nhân?

- A. $1; -1; 1; -1; 1$. B. $1; -2; 4; -8; 16$. C. $1; 2; 4; 8; 16$. D. $1; -3; 9; -27; 54$.

Câu 7: Trong không gian với hệ tọa độ $(Oxyz)$, mặt cầu (S) tâm $I(3; -1; -1)$ và bán kính $R = \sqrt{9}$ có phương trình nào sau đây:

A. $(x-3)^2 + (y+1)^2 + (z+1)^2 = \sqrt{9}$

B. $(x+3)^2 + (y-1)^2 + (z-1)^2 = 9$.

C. $(x-3)^2 + (y+1)^2 + (z+1)^2 = 9$.

D. $(x+3)^2 + (y-1)^2 + (z-1)^2 = \sqrt{9}$.

Câu 8: Cho hàm số $f(x) = 2^x + 3$. Khẳng định nào sau đây đúng?

A. $\int f(x)dx = 2^x \ln 2 + 3x + C$.

B. $\int f(x)dx = \frac{2^x}{\ln 2} + 3x + C$.

C. $\int f(x)dx = 2^{x-3} + C$.

D. $\int f(x)dx = \frac{2^x}{\ln 2} + 3 + C$.

Câu 9: Cho $\int_{-1}^2 f(t)dt = 2$ và $\int_{-1}^2 g(x)dx = -1$. Tính $I = \int_{-1}^2 [x + 2f(x) - 3g(x)]dx$

A. $I = \frac{17}{2}$

B. $I = \frac{11}{2}$

C. $I = \frac{7}{2}$

D. $I = \frac{5}{2}$

Câu 10: Trong không gian với hệ tọa độ $(Oxyz)$, cho $\vec{a} = (-3; 5; 2), \vec{b} = (0; -1; 3), \vec{c} = (1; -1; 1)$ thì tọa độ $\vec{v} = 2\vec{a} - 3\vec{b} + 15\vec{c}$ là

A. $\vec{v} = (9; 2; 10)$.

B. $\vec{v} = (9; -1; 10)$.

C. $\vec{v} = (-9; 2; 10)$.

D. $\vec{v} = (9; -2; 10)$.

Câu 11: Tập xác định D của hàm số $y = \ln(1-x)$ là

A. $D = \mathbb{R} \setminus \{1\}$.

B. $D = (-\infty; 1)$.

C. $D = (1; +\infty)$.

D. $D = \mathbb{R}$.

Câu 12: Cho hình chóp $S.ABC$ có SA vuông góc với mặt đáy (ABC) . Mệnh đề nào sau đây là đúng?

A. $SA \perp SB$.

B. $SA \perp AB$.

C. $SA \perp SC$.

D. $SB \perp SC$.

PHẦN II (4,0 điểm). Câu nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho hàm số $f(x) = \cos 2x - x$.

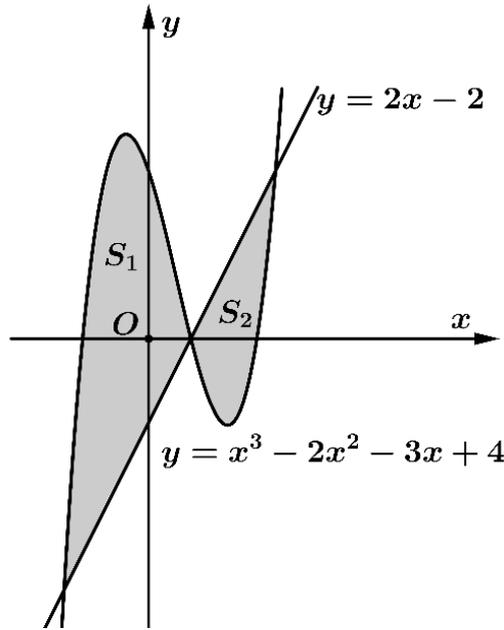
a) $f\left(-\frac{\pi}{2}\right) = -1 + \frac{\pi}{2}; f\left(\frac{\pi}{2}\right) = -1 - \frac{\pi}{2}$.

b) Đạo hàm của hàm số đã cho là $f'(x) = -2 \cdot \sin 2x - 1$.

c) Nghiệm của phương trình $f'(x) = 0$ trên đoạn $\left[-\frac{\pi}{2}; \frac{\pi}{2}\right]$ là $-\frac{\pi}{6}$ hoặc $\frac{\pi}{6}$.

d) Giá trị lớn nhất của $f(x)$ trên đoạn $\left[-\frac{\pi}{2}; \frac{\pi}{2}\right]$ là $-\frac{\pi}{2}$.

Câu 2: Cho đồ thị hàm số $y = x^3 - 2x^2 - 3x + 4$ có đồ thị (C) và đường thẳng $(d): y = 2x - 2$.



a) Đường thẳng d cắt đồ thị (C) tại ba điểm $A(-2; -6), B(1; 0), C(3; 4)$.

b) Diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị (C) , trục hoành, đường thẳng $x = -1; x = 2$ bằng $\frac{21}{4}$

c) Diện tích hình phẳng giới hạn bởi đồ thị (C) và đường thẳng d bằng $\frac{253}{12}$.

d) Biết đường thẳng d cắt đồ thị (C) thành hai miền S_1 và S_2 như hình vẽ. Khi đó tỉ số

$$\frac{S_1}{S_2} = \frac{63}{16}$$

Câu 3: Trong không gian với hệ tọa độ $(Oxyz)$, cho 3 điểm $A(a; 0; 0), B(0; b; 0), C(0; 0; c)$ với a, b, c đều dương.

a) Mặt phẳng (ABC) có phương trình $\frac{x}{a} + \frac{y}{b} + \frac{z}{c} = 1$

b) Mặt phẳng (ABC) đi qua điểm $G(1; 2; 3)$ sao cho G là trọng tâm của ΔABC là $6x + 3y + 2z + 18 = 0$

c) Mặt phẳng (ABC) đi qua điểm $H(1; 1; 1)$ sao cho H là trực tâm ΔABC là $x + y + z - 3 = 0$

d) Mặt phẳng (ABC) đi qua điểm $M(2; -2; 3)$ sao cho độ dài OA, OB, OC theo thứ tự tạo thành cấp số cộng có công sai bằng 2. Khoảng cách từ gốc tọa độ O tới mặt phẳng (α) bằng $\frac{m}{n}$

với $\frac{m}{n}$ là phân số tối giản, khi đó $T = m + n = 19$.

Câu 4: Có hai đội thi đấu môn bắn súng. Đội I có 8 vận động viên, đội II có 10 vận động viên. Xác suất đạt huy chương vàng của mỗi vận động viên đội I và đội II tương ứng là 0,6 và 0,55. Chọn ngẫu nhiên một vận động viên.

a) Xác suất để vận động viên chọn ra thuộc đội I là $\frac{5}{9}$

b) Xác suất không đạt huy chương vàng của mỗi vận động viên đội II là 0,45

c) Xác suất để vận động viên này đạt huy chương vàng là $\frac{103}{180}$

d) Giả sử vận động viên được chọn đạt huy chương vàng. Xác suất để vận động viên này thuộc đội I là $\frac{48}{103}$.

PHẦN III (3,0 điểm). Câu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

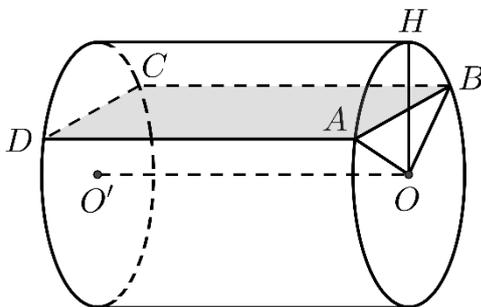
Câu 1: Cho tứ diện $ABCD$ có AB, AC, AD đôi một vuông góc với nhau và $AB = AC = AD = 2$. Tính khoảng cách từ A đến mặt phẳng (BCD) ? (làm tròn số đến hàng phần trăm).

Câu 2: Một vật chuyển động theo quy luật $s = -2t^3 + 24t^2 + 9t - 3$ với t là khoảng thời gian tính từ lúc bắt đầu chuyển động và s là quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian đó. Hỏi trong khoảng thời gian 10 giây, kể từ lúc bắt đầu chuyển động, vận tốc lớn nhất của vật đạt được bằng bao nhiêu?

Câu 3: Một hộp đựng 7 quả cầu màu trắng và 3 quả cầu màu đỏ. Lấy ngẫu nhiên từ hộp ra 4 quả cầu. Tính xác suất để trong 4 quả cầu lấy được có đúng 2 quả cầu màu đỏ.

Câu 4: Cho hàm số $y = \frac{x^2 + mx - 1}{x - 1}$ có đồ thị là (C) (m là tham số thực). Tổng bình phương các giá trị của m để đường thẳng $d: y = m$ cắt đồ thị (C) tại hai điểm A, B sao cho $OA \perp OB$ bằng bao nhiêu?

Câu 5: Một bồn hình trụ đang chứa dầu, được đặt nằm ngang, có chiều dài bồn là 5m, có bán kính đáy 1m. Người ta đã rút dầu trong bồn tương ứng với 0,5m của đường kính đáy. Tính thể tích của lượng dầu còn lại trong bồn theo đơn vị m^3 .(làm tròn đến hàng phần chục)



Câu 6: Trong hệ trục tọa độ $(Oxyz)$ cho trước (đơn vị trên trục là mét), cho một trạm thu phát sóng 5G có bán kính vùng phủ sóng của trạm ở ngưỡng 600m được đặt ở vị trí $I(200;450;60)$. Tìm giá trị lớn nhất của m (làm tròn đến hàng đơn vị) để một người dùng điện thoại ở vị trí $A(m+100;m+370;0)$ có thể sử dụng dịch vụ của trạm nói trên.

-----**HẾT**-----

Phần	I	II	III							
Số câu	12	4	6							
Câu\Mã đề	1010	1020	1030	1040	1050	1060	1070	1080	1090	1100
1	A	A	A	D	A	C	A	C	C	C
2	C	B	D	D	D	C	C	A	D	C
3	C	D	A	B	B	A	C	A	C	D
4	A	D	D	A	B	D	C	D	C	A
5	B	D	B	A	D	D	B	B	D	C
6	D	D	A	A	C	B	D	A	D	B
7	D	C	D	B	B	D	D	A	A	B
8	B	B	B	D	A	B	D	C	D	A
9	A	A	C	B	A	B	B	D	A	A
10	B	D	D	C	A	D	A	D	B	A
11	B	B	B	D	B	A	D	B	B	D
12	B	B	B	D	B	A	B	D	C	A
1	ĐSĐĐ	ĐĐSS	ĐĐSS	SĐSĐ	SĐĐĐ	ĐSĐS	ĐĐSS	SĐSĐ	ĐĐSS	ĐSĐS
2	SĐĐĐ	ĐSĐS	SSSĐ	ĐĐSS	ĐSĐĐ	ĐĐSS	ĐSĐĐ	ĐSĐS	ĐSĐĐ	SĐSĐ
3	ĐĐSS	ĐSĐĐ	ĐSĐĐ	ĐSĐS	ĐĐSS	SĐSĐ	SĐĐĐ	ĐĐSS	SĐĐĐ	ĐĐSS
4	SSSĐ	SĐSĐ	SĐĐĐ	ĐSĐĐ	SSSĐ	ĐSĐĐ	SSSĐ	ĐSĐĐ	SSSĐ	ĐSĐĐ
1	0,71	1,15	0,83	0,3	29	1,15	0,83	3	0,71	3
2	29	105	0,71	3	0,71	0,3	2	105	-5	12,6
3	0,83	0,3	29	1,15	0,83	105	0,71	0,3	29	105
4	2	3	-5	12,6	425	3	29	12,6	2	1,15
5	425	12,6	2	512	-5	512	425	1,15	425	512
6	-5	512	425	105	2	12,6	-5	512	0,83	0,3

<i>1110</i>	<i>1120</i>	<i>1130</i>	<i>1140</i>	<i>1150</i>	<i>1160</i>	<i>1170</i>	<i>1180</i>	<i>1190</i>	<i>1200</i>	<i>1210</i>	<i>1220</i>
D	C	B	D	D	A	A	B	C	D	B	A
C	D	C	D	D	A	B	D	B	B	C	A
D	C	D	C	C	C	C	B	D	D	D	B
B	C	D	B	B	C	C	C	B	B	A	A
C	C	B	C	B	B	D	C	D	C	B	A
B	D	C	A	B	B	B	D	C	A	C	A
B	A	B	A	A	C	D	C	C	C	C	A
D	C	C	A	D	B	C	D	B	D	A	D
D	B	C	C	B	C	A	B	A	A	D	D
C	C	C	B	B	D	A	D	B	B	D	D
A	C	D	A	D	C	B	C	B	A	C	C
A	A	B	C	A	C	A	D	D	C	C	D
ÐÐSS	ÐÐSS	ÐSÐÐ	SÐSÐ	SÐÐÐ	ÐSÐS	ÐÐSS	SÐSÐ	ÐÐSS	ÐSÐS	ÐÐSS	ÐÐSS
SSSÐ	ÐSÐS	SSSÐ	ÐÐSS	ÐSÐÐ	ÐÐSS	ÐSÐÐ	ÐSÐS	ÐSÐÐ	SÐSÐ	SSSÐ	ÐSÐS
ÐSÐÐ	ÐSÐÐ	SÐÐÐ	ÐSÐS	ÐÐSS	SÐSÐ	SÐÐÐ	ÐÐSS	SÐÐÐ	ÐÐSS	ÐSÐÐ	ÐSÐÐ
SÐÐÐ	SÐSÐ	ÐÐSS	ÐSÐÐ	SSSÐ	ÐSÐÐ	SSSÐ	ÐSÐÐ	SSSÐ	ÐSÐÐ	SÐÐÐ	SÐSÐ
2	1,15	29	0,3	29	1,15	0,83	3	0,71	3	2	1,15
425	105	0,83	3	0,71	0,3	2	105	-5	12,6	425	105
-5	0,3	0,71	1,15	0,83	105	0,71	0,3	29	105	-5	0,3
0,71	3	2	12,6	425	3	29	12,6	2	1,15	0,71	3
29	12,6	-5	512	-5	512	425	1,15	425	512	29	12,6
0,83	512	425	105	2	12,6	-5	512	0,83	0,3	0,83	512

<i>1230</i>	<i>1240</i>
C	D
C	B
C	C
C	D
A	B
D	D
B	C
C	B
A	B
B	B
C	A
B	C
ÐSÐÐ	SÐSÐ
SSSÐ	ÐÐSS
SÐÐÐ	ÐSÐS
ÐÐSS	ÐSÐÐ
29	0,3
0,83	3
0,71	1,15
2	12,6
-5	512
425	105

Xem thêm: **ĐỀ THI THỬ THPT MÔN TOÁN**
<https://toanmath.com/de-thi-thu-thpt-mon-toan>